



wū shuǐ

污水

Noun · sewage

Example Sentences

zhè zuò chéng shì zhèng zài chǔ lǐ wū shuǐ wèn tí
这座城市正在处理污水问题。

This city is dealing with sewage issues

gōng chǎng bì xū chǔ lǐ chǎn shēng de wū shuǐ bù néng zhí jiē pái rù hé liú
工厂必须处理产生的污水，不能直接排入河流。

Factories must treat the sewage they produce and cannot discharge it directly into rivers.

Trace each character, then write the word on your own.

污 污 污 污 污 污 污 污 污

水 水 水 水 水 水 水